TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2023/DS-PT
Ngày 21-7-2023
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TH BÌNH

***- TH3nh phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:Ông Vũ Duy LU
Các Thẩm phán: Ông Vũ Đông Giang
Bà Nguyễn Thị Kim H1
- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Tiến Thành- Thư ký Tòa án
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Th Bình tham gia phiên tòa:Ông Đỗ Hải Bằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ L1 số: 10/2023/TLPT-DS ngày 31 tháng 3 năm 2023 về việc *"tranh chấp về thừa kế tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2023/DS-ST ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Q Phụ, tỉnh Th Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 35/2023/QĐ-PT ngày 31 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2023/QĐ-PT ngày 27/6/2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị Thúy L, sinh năm 1970; nơi cư trú: 1, Khu đô thị L, phường H, quận H, H3 Nội. (có mặt)

* *Bị đơn:* Bà Trần Thị T, sinh năm 1945; nơi cư trú: Thôn P, xã Q, huyện Q Phụ, tỉnh Th Bình. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Vũ Thị Tuyết L, sinh năm 1947; nơi cư trú: Tổ 12, phường H, tH3nh phố T, tỉnh Th Nguyên. (có đơn xin xét xử vắng mặt)
- Bà Vũ Thị Tuyết M, sinh năm 1949; nơi cư trú: Thôn P, xã Q, huyện Q Phụ, tỉnh Th Bình. (có đơn xin xét xử vắng mặt)
- Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1948; nơi cư trú: Thôn P, xã M, huyện Đ, TH3nh phố H3 Nội. (có mặt)
- Anh Vũ Hồng Th, sinh năm 1974; nơi cư trú: Số 1 - Tổ 2 phường Đ, quận L, tH3nh phố H3 Nội. (vắng mặt)
- Chị Vũ Thị L1, sinh năm 1970; (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Chị Vũ Thị V, sinh năm 1982; (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng cư trú tại: Số nH3 0, ngõ 1, đường H, phường S, quận L, tH3nh phố H3 Nội.

- Chị Vũ Thị Lệ H1, sinh năm 1976; nơi cư trú: Số nH3 1, Tổ 1, phường Đ, tH3nh phố Th, tỉnh Th Nguyên. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Chị Lê Thị Thu H2, sinh năm 1969; nơi cư trú: Số nH3 1, Nguyễn H, tổ 5, khu vực 1, phường Đ, tH3nh phố Q, tỉnh Bình Định. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Cháu Lê Nguyễn Diễm Q, sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn N, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Do có kháng cáo của chị Vũ Thị Thúy L - nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Nguyên đơn - chị Vũ Thị Thúy L trình bày:

Cụ Vũ Đình Tr, sinh năm 1917, chết năm 1985, cụ Trần Thị H3 (TH3), sinh năm 1919, chết năm 2005. Cụ Tr và cụ H3 có 03 người con là: Ông Vũ Đình Hoa, sinh năm 1937, chết năm 2009. Ông Hoa kết hôn với bà Trần Thị T sinh được 03 người con gồm: chị Vũ Thị L1, chị Vũ Thị Lệ H1, chị Vũ Thị V. Bà Vũ Thị Tuyết L, sinh năm 1947. Ông Vũ Đình U, sinh năm 1947, chết năm 1990. Ông U kết hôn với bà Nguyễn Thị B sinh được 02 người con gồm: chị Vũ Thị Thúy L và anh Vũ Hồng Th.

Cụ Tr còn có quan hệ với cụ Nguyễn Thị Sói (chết năm 1983), có 02 người con là: Bà Vũ Thị Tuyết M, sinh năm 1949 và bà Vũ Thị H4, sinh năm 1941, chết năm 2019. Bà H4 kết hôn với ông Lê Đình R có 02 người con là chị Lê Thị Thu H2 và anh Lê Hồng Th, sinh năm 1971, chết năm 2009. Anh Th có 01 con là cháu Lê Nguyễn Diễm Q, sinh năm 1995.

Cụ Tr, cụ H3, cụ S không có người con nuôi, con riêng nào khác. Bố mẹ các cụ đều chết trước khi các cụ qua đời.

Cụ Tr và cụ H3 chết đều không để lại di chúc, có để lại tài sản là thửa đất số 90, diện tích 647m^2 (gồm 200m^2 đất ở nông thôn và 447m^2 đất trồng cây lâu năm và thửa đất ao số 91, diện tích 365m^2, đều thuộc tờ bản đồ số 4, đều ở địa chỉ: thôn P, xã Q, huyện Q Phụ, tỉnh Th Bình. Hai thửa đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tài sản gắn liền với thửa đất có 02 nH3 ở cùng công trình phụ, cổng, sân, tường bao và một số cây trồng trên đất.

Chị L khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản của cụ Tr và cụ H3 để lại gồm 02 thửa đất nêu trên, chị đề nghị được nhận bằng hiện vật là quyền sử dụng đất, chị đề nghị không áp dụng thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế. Chị đồng ý nhận kỷ phần của người khác nhường cho chị. Đối với các tài sản trên đất chị không có yêu cầu, đề nghị gì. Về án phí: Chị L đề nghị được đóng án phí đối

với kỷ phần chị được nhận và chịu cho cả kỷ phần của anh Th. Về chi phí tố tụng: chi phí tố tụng hết 6.000.000 đồng, chị L đã nộp 6.000.000 đồng, nhưng chị chỉ chấp nhận chịu 2.000.000 đồng, còn lại 4.000.000 đồng chị V nhận thanh toán và chị V đã thanh toán xong cho chị L. Do đó, chị L không yêu cầu đề nghị gì về chi phí tố tụng.

- Bị đơn - bà Trần Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, huyết thống của cụ Tr, cụ H3, cụ Sói như nguyên đơn trình bày là đúng. Bà xác nhận di sản của cụ Tr và cụ H3 để lại là 02 thửa đất số 90, 91 có diện tích như nguyên đơn trình bày. Nguồn gốc của các thửa đất này là của cụ Vũ Đình Tr và cụ Trần Thị H3 (TH3) và chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Liền kề với 02 thửa đất (90, 91) bà còn có riêng 100m^2 đất trồng cây lâu năm. Diện tích đất này là do bà T làm nông nghiệp cho nên được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q Phụ chuyển đổi từ diện tích đất nông nghiệp về đất trồng cây lâu năm, giao riêng cho bà T và không phải là di sản thừa kế của cụ Tr, cụ H3. Sau khi cụ H3 chết bà T là người quản L1 di sản thừa kế. Các tài sản trên đất gồm: 02 nH3 ở cùng công trình phụ, cổng, sân, tường bao (có bản vẽ thiết kế xây dựng) do bà L, chị L1, chị H1, chị V góp tiền xây dựng vào năm 2019 để bà T ở và thờ cúng ông bà tổ tiên, không phải là di sản thừa kế. Ngoài ra, trên đất còn có các cây trồng như biên bản xem xét thẩm định ngày 21/10/2022 là do bà T trồng, không phải di sản thừa kế.

Bà nhất trí yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị chia di sản thừa kế của cụ Tr và cụ H3 là thửa đất số 90, 91 nêu trên theo pháp luật. Bà nhất trí với kết quả xem xét thẩm định, định giá tài sản của Tòa án: Trong đó thửa đất số 90; diện tích hiện tại là 695m^2, gồm 200m^2 đất ở và 495m^2 đất trồng cây lâu năm; Thửa đất số 91 là đất ao diện tích còn lại là 317m^2. Đối với 100m^2 (kết quả đo đạc hiện tại là 102,2m^2) đất trồng cây lâu năm bà được giao, các tài sản trên đất gồm 02 nH3 ở cùng công trình phụ, cổng, sân, tường bao và các cây trồng trên đất không phải là di sản thừa kế, nếu kỷ phần của người khác được hưởng mà có cây bà T trồng, bà T để cho người đó được hưởng và không yêu cầu đề nghị gì đối với số cây trồng này. Bà không yêu cầu chia trả công quản L1 di sản. Bà đồng ý nhận kỷ phần thừa kế của các đồng thừa kế khác nhường cho bà. Bà đề nghị được miễn án phí vì bà là người cao tuổi, về chi phí tố tụng bà T chấp nhận để chị V là con gái bà nhận thanh toán cho chị L và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

+ Bà Nguyễn Thị B trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của chị L về H3ng thừa kế và di sản thừa kế của cụ Tr cụ H3. Bà đề nghị chia di sản thừa kế của cụ Tr và cụ H3 đối với 02 thửa đất nêu trên theo quy định của pháp luật. Bà xin nhận kỷ phần bằng hiện vật là quyền sử dụng đất và nhận giáp phần chị L được nhận và nhường cho chị L. Bà B có đơn đề nghị được miễn án phí vì bà là người cao tuổi, chi phí tố tụng bà chấp nhận để chị L

thanh toán.

+ Bà Vũ Thị Tuyết L, Vũ Thị Tuyết M, chị Vũ Thị L1, chị Vũ Thị Lệ H1, chị Vũ Thị V, chị Lê Thị Thu H2, cháu Lê Nguyễn Diễm Q đều trình bày:

Các bà, các chị và cháu Q đều khai về mối quan hệ huyết thống, các di sản thừa kế như nội dung chị L và bà T đã trình bày. Chị L khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế, các bà, các chị và cháu Q đều đề nghị chia di sản thừa kế của cụ Tr và cụ H3 là 02 thửa đất nêu trên theo quy định của pháp luật. Các bà, các chị và cháu Q xin nhận kỷ phần bằng hiện vật là quyền sử dụng đất và xin nhường lại cho bà Trần Thị T, không yêu cầu bà T phải chia trả chênh lệch. Đối với tài sản trên đất gồm nH3 ở, công trình phụ, sân, tường bao, cổng mà bà L, chị L1, chị H1, chị V góp tiền xây dựng, bà L và các chị đề nghị để cho bà T quản L1 sử dụng và không yêu cầu bà T phải thanh toán. Về án phí: Bà L, bà M đề nghị được miễn án phí, vì các bà là người cao tuổi. Chị V đề nghị được chịu hết án phí đối với phần di sản mà chị được chia và cả phần của chị L1, chị H1, chị H2, cháu Q được chia. Về chi phí tố tụng: Chi phí định giá tài sản; chi phí xem xét thẩm định hết 6.000.000 đồng, chị V nhận chịu 4.000.000 đồng và đã thanh toán xong cho chị L.

+ Anh Vũ Hồng Th trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị L về H3ng thừa kế và di sản thừa kế của cụ Tr cụ H3. Anh Th đề nghị được nhận 1/2 di sản thừa kế còn bà T nhận 1/2 di sản thừa kế. Vì khi ông Vũ Đình Hoa và cụ Trần Thị H3 còn sống có nói bằng miệng là thửa đất của cụ Tr và cụ H3 sẽ chia cho anh 1/2 và bà T 1/2 nhưng anh Th không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng M cho yêu cầu của mình.

- Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q Phụ cung cấp:

Theo bản đồ 299, cụ Vũ Đình Tr và cụ Trần Thị H3 có 200 m^2đất ở và 447 m^2đất trồng cây lâu năm ở thửa đất số 90, tờ bản đồ số 04 và 365 m^2đất ao ở thửa số 90 tờ bản đồ số 04 đều ở thôn P, xã Q, huyện Q Phụ. Thửa đất ao hiện nay sau khi đo đạc còn lại 317m^2, do sai số trong quá trình đo đạc. Ngoài ra, bà Trần Thị T còn có 100 m^2đất trồng cây lâu năm liền kề với thửa đất số 90, 91 thôn P, xã Q là đất quy đổi từ đất nông nghiệp, thửa đất này được giao cho bà T quản L1, sử dụng và không phải di sản thừa kế của cụ Tr và cụ H3.

- Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 21/10/2022 thể hiện:

Đất ở: thửa đất số 90, tờ bản đồ số 04, diện tích 695m^2, gồm đất ở: 200m^2, đất trồng cây lâu năm: 495m^2: đất ở trị giá 3.000.000 đồng/m^2. Đất trồng cây lâu năm có giá 45.000 đồng/m^2. Đất ao: thửa đất số 91, tờ bản đồ số 04, diện tích 317m^2;đất ao có giá 42.000 đồng/m^2. Diện tích đất trồng cây lâu năm tăng lên là 48 m^2, diện tích đất ao giảm là 48 m^2.

Tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất gồm: 02 nH3 ở, công trình phụ, cổng, tường bao, sân (có bản vẽ thiết kế xây dựng) xây năm 2019: trị giá 1.350.000 đồng.

Ngoài ra, còn thẩm định và định giá các loại cây trồng trên 02 thửa đất trên.

Bản án số 01/2023/DS-ST ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Q Phụ, tỉnh Th Bình đã quyết định:

Căn cứ khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 158; Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9; 609, 612, Điều 613, 618, 623, 649, 650, 651, 652, 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 33 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 12, Điều 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L1 và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của nguyên đơn, cụ thể:

- Xác định di sản thừa kế của cụ Vũ Đình Tr và cụ Nguyễn Thị H3 để lại là: thửa đất 90, tờ bản đồ số 4, diện tích hiện tại là 695m^2, trong đó 200m^2 đất ở và 495m^2 đất trồng cây lâu năm khác và thửa đất ao số 91, tờ bản đồ số 04, diện tích 317m^2, đều ở địa chỉ: thôn P, xã Q, huyện Q Phụ, tỉnh Th Bình. Tổng giá trị là 635.589.000 đồng.

- Xác định người thừa kế của cụ Vũ Đình Tr gồm: cụ H3, ông Hoa (người thừa kế của ông Hoa gồm bà T, chị L1, chị H1, chị V), ông U (người thừa kế của ông U gồm bà B, chị L, anh Th), bà L, bà M, bà H4 (người thừa kế của bà H4 gồm chị H2, cháu Q).

- Xác định người thừa kế của cụ H3 gồm: ông Hoa (người thừa kế của ông Hoa gồm bà T, chị L1, chị H1, chị V); ông U (người thừa kế của ông U gồm chị L, anh Th); bà L.

- Chấp nhận yêu cầu của chị Vũ Thị Thúy L về việc chia thừa kế theo pháp luật và bằng hiện vật.

- Ghi nhận sự tự nguyện nhường kỷ phần di sản của các bà Vũ Thị Tuyết L, Vũ Thị Tuyết M, chị Vũ Thị L1, chị Vũ Thị Lệ H1, chị Vũ Thị V, chị Lê Thị Thu H2, cháu Lê Nguyễn Diễm Q cho bà Trần Thị T và bà T không phải thanh toán giá trị lại bằng tiền. Bà Nguyễn Thị B nhường cho chị Vũ Thị Thúy L và chị L không phải thanh toán giá trị lại bằng tiền.

- Không chấp nhận yêu cầu của anh Th về việc đề nghị nhận 1/2 di sản.

- Ghi nhận việc bà Trần Thị T không yêu cầu chia trả công sức quản L1 di sản, không yêu đề nghị gì đối với các cây trồng trên đất.

- Ghi nhận việc bà Vũ Thị Tuyết L, chị Vũ Thị L1, chị Vũ Thị Lệ H1, chị Vũ Thị V tự nguyện bỏ tiền xây dựng các công trình trên đất gồm 02 nH3 ở cùng công trình phụ, cổng, sân, tường bao (có bản vẽ thiết kế xây dựng) vào năm 2019, trị giá 1.350.000.000 đồng để bà T sử dụng.

2. Xử:

+ Chia và giao cho chị Vũ Thị Thúy L được quyền quản L1, sử dụng: 154,5m^2, trong đó: đất ở: 30,5m^2; đất trồng cây lâu năm: 6,8m^2 tại thửa đất số 90 và đất ao: 117,2m^2 tại thửa đất số 91, đều thuộc tờ bản đồ số 4, địa chỉ tại: thôn P, xã Q, huyện Q Phụ, tỉnh Th Bình, trị giá 96.728.400 đồng. Tài sản khác gắn liền với quyền sử dụng đất có 02 cây vải gốc 40cm, 01 cây bưởi gốc 1,5cm, 01 khóm chuối phía bên phải nH3 bếp. Phía Đông giáp đất: 7.70; Phía Tây: 7.79; Phía Nam: 20.14; Phía Bắc: 15.55 +3.76 (Thể hiện chi tiết trong sơ đồ kèm theo bản án sơ thẩm).

+ Chia và giao cho bà Trần Thị T được quyền quản L1, sử dụng: 731,0m^2. Trong đó đất ở: 144,51 m^2; đất trồng cây lâu năm: 462,99 m^2 tại thửa đất số 90 và đất ao: 123,5m^2 tại thửa đất số 91, đều thuộc tờ bản đồ số 4, địa chỉ tại: thôn P, xã Q, huyện Q Phụ, tỉnh Th Bình, trị giá 459.551.550 đồng. Phía Đông: 6.95 +18.28; Phía Tây: 6.83; Phía Nam: 18.37 +1.59 + 0.74 + 14.51; Phía Bắc: 8.77 +13.64 +4.63. Tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất là nH3 thờ mái ngói 92.6m^2; Lán tôn 20.2m^2; NH3 bếp, nH3 vệ sinh: 45.6m^2 và sân, cổng, giậu (Có bản vẽ thiết kế kèm theo), (Thể hiện chi tiết trong sơ đồ kèm theo bản án sơ thẩm).

Các tài sản khác gắn liền với quyền sử dụng đất: Cây phía trước nH3 thờ: 01 cây nhãn gốc 50cm; 01 cây vú sữa gốc 5 cm; 01 cây chay gốc 2cm; Phía trước cổng: 02 cây nhãn gốc 50cm; 01 cây nhãn gốc 40cm; 02 cây bưởi gốc 3cm; 02 cây chanh gốc 2cm; 10 cây cau gốc 10 cm; 05 cây cau gốc 05cm; 01 cây đào gốc 7cm; 15 khóm gừng; 03m^2 diếp cá; 03m^2 trầu không;

Cây phía bên phải nH3 bếp: 03 cây cau gốc 10cm; 01 cây khế gốc 3cm; 01 khóm nghệ; riềng: 4m; chuối: 04 khóm; 03 cây na gốc 3cm; 01 cây nhãn gốc 30cm; 03 cây hòe gốc 2 cm; 01 cây bơ gốc 4 cm; 02 cây vải gốc 40 cm; lá lốt 5m^2;

Cây phía sau nH3 và bếp: chuối: 3 khóm; nghệ: 5m^2; 01 cây hồng xiêm gốc 2cm; 01 cây hòe gốc 1,5 cm; 02 cây mít gốc 5cm; 01 cây vú sữa gốc 3,5 cm; 01 cây vú sữa gốc 2cm; 01 cây vú sữa gốc lcm; riềng: 0,5m^2;

Bà T được tiếp tục quản L1, sử dụng 102,2m^2 đất trồng cây lâu năm là tài sản riêng của bà T, liền kề với thửa đất số 90, 91 tờ bản đồ số 04, địa chỉ tại thôn P, xã Q, huyện Q Phụ, tỉnh Th Bình.

+ Chia và giao cho anh Th: 126,5m^2. Trong đó: đất ở: 24,99m^2; đất trồng cây lâu năm: 25,21m^2 tại thửa đất số 90 và đất ao: 76,3m^2 tại thửa đất số 91, đều tờ bản đồ số 4, địa chỉ tại thôn P, xã Q, huyện Q Phụ, tỉnh Th Bình, trị giá 79.309.050 đồng. Phía Đông:11.93; Phía Tây: 4.83+7.26; Phía Nam: 23.62; Phía Bắc: 21.10. Tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất là 03 cây ổi gốc 1,5 cm; 01 cây mít gốc 1,5 cm (Thể hiện chi tiết trong sơ đồ kèm theo bản án sơ thẩm).

3. Bà Trần Thị T phải thanh toán cho chị Vũ Thị Thúy L số tiền là 213.150 đồng, bà T phải thanh toán cho anh Vũ Hồng Th số tiền là 102.900 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên nghĩa vụ thi H3nh án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/02/2023, chị Vũ Thị Thúy L kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, không đồng ý với việc Tòa án phân chia di sản theo sơ đồ của bản án sơ thẩm, yêu cầu bị đơn giao trả nguyên hiện trạng thửa đất số 90, 91 thuộc tờ bản đồ số 04, thôn P, xã Q, huyện Q Phụ, tỉnh Th Bình.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị L vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm : Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm , Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng ; các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự , không chấp nhận phần kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ v ụ án cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Kháng cáo của chị L làm trong thời hạn luật định , đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm, do đó được thụ L1 và đưa ra xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Các đương sự đã được triệu tập hợp lệ nhưng bà T, bà L, chị L1, chị H1, chị V, chị H2, cháu Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Th vắng mặt lần thứ 2 có L1 do đang điều trị Methadone tại Trung tâm y tế quận Long Biên đã có đơn xin vắng mặt từ giai đoạn xét xử sơ thẩm, bà B là mẹ đẻ sống cùng anh Th đề nghị cho anh Th được vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]Xét yêu cầu kháng cáo của chị Vũ Thị Thúy L:

[2.1] Về thời hiệu khởi kiện:

Cụ Tr chết năm 1985, cụ H3 chết năm 2005. Ngày 13/4/2022, chị L khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của hai cụ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 thì "Thời hiệu để thừa kế yêu cầu chia di sản thừa kế là 30 năm đối với bất động sản,... kể từ thời điểm mở thừa kế ...". Tòa án cấp sơ thẩm xác định thời hiệu khởi kiện đã hết là chưa phù hợp với quy định của pháp luật vì do các đương sự đều không đề nghị áp dụng thời hiệu nên căn cứ vào khoản 2 Điều 149 , khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự, do đó thời hiệu khởi kiện chia di sản của cụ Tr vẫn còn. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy phần di sản của cụ Tr Tòa án cấp sơ thẩm đã chia di sản cho các đồng thừa kế theo pháp luật là phù hợp, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự. Thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế với phần di sản của cụ H3 trong khối di sản chung vẫn còn.

[2.2] Về quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống giữa cụ Tr, cụ H3, cụ Sói và nguồn gốc di sản, tài sản:

[2.2.1] Về quan hệ hôn nhân và quan hệ huyết thống:

Căn cứ vào lời khai của các đương sự và quá trình thu thập chứng cứ tại địa pH2 thì thấy: Cụ Tr và cụ H3 (TH3) chung sống với nhau và là hôn nhân thực tế. Cụ Vũ Đình Tr (sinh năm 1917, chết năm 1985)và cụ Trần Thị H3 (sinh năm 1919, chết năm 2005) có 03 người con là: ông Vũ Đình Hoa (chết năm 2009, kết hôn với bà Trần Thị T sinh được 03 người con gồm: chị Vũ Thị L1, chị Vũ Thị Lệ H1, chị Vũ Thị V); Bà Vũ Thị Tuyết L; Ông Vũ Đình U (chết năm 1990, kết hôn với bà Nguyễn Thị B sinh được 02 người con gồm: chị Vũ Thị Thúy L và anh Vũ Hồng Th). Trong thời gian sinh sống với cụ H3, cụ Tr có quan hệ tình cảm với cụ Nguyễn Thị Sói (chết năm 1983) sinh được 02 người con là: Bà Vũ Thị Tuyết M vàbà Vũ Thị H4 (chết năm 2019, kết hôn với ông Lê Đình Ra (chết năm 1979) có 02 người con là chị Lê Thị Thu H2 và anh Lê Hồng Thắng, sinh năm 1971, chết năm 2009; Anh Thắng có 01 con là cháu Lê Nguyễn Diễm Q, sinh năm 1995). Cụ H3 không có quan hệ chăm sóc nuôi dưỡng đối với các con của cụ Sói và ngược lại.

Bố mẹ của cụ Tr, cụ H3 đều đã chết trước thời điểm hai cụ qua đời. Cụ Tr, cụ H3 cũng không có người con nuôi, con riêng nào khác, cụ Tr và cụ H3 chết không để lại di chúc nên di sản thừa kế của các cụ được chia theo pháp luật.

[2.2.2]Về di sản thừa kế:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và các đương sự khác trình bày cũng như xác M tại địa pH2 thể hiện di sản của cụ Tr, cụ H3 để lại là các thửa đất số 90, 91 tại thôn P, xã Q, có nguồn gốc của tổ tiên cụ Tr để lại, cụ Tr và cụ H3 sinh sống trên các thửa đất đến khi qua đời còn cụ Sói và các con là bà H4, bà M sinh sống trên thửa đất của bố khi cụ H3 chết bà T là người quản L1 các thửa đất trên. Theo sổ giao đất (sổ mục kê) năm 1986 có ghi là thửa số 90, tờ bản đồ số 4, tên chủ sử dụng ghi là "Tr", diện tích là 647m^2, loại đất "T" và thửa số 91, tờ bản đồ số 4, tên chủ sử dụng đất ghi là "Tr", diện tích là 365m^2, loại đất "A". Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 21/10/2022, thì thửa đất số 90 có diện tích là diện tích 695m^2, gồm đất ở: 200m^2, đất trồng cây lâu năm: 495m^2, tăng lên 48m^{2}đất trồng cây lâu năm. Thửa đất số 91, diện tích chỉ còn 317 m^{2}đất ao (giảm đi là 48m^2) là do quá trình biến động sử dụng đất. Các đương sự đều nhất trí với kết quả xem xét, thẩm định ngày 21/10/2022. Diện tích đất không phải là đất lấn chiếm, không vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, không bị thu H4 hay bồi thường. Đất sử dụng ổn định, từ trước đến nay không có tranh chấp với các hộ liền kề và với tổ chức, cá nhân nào, hiện chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Như vậy, theo kết quả của Hội đồng định giá ngày 21/10/2022 thì di sản của cụ Tr, cụ H3 như sau: Thửa số 90, tờ bản đồ số 04: 200m^{2}đất ở x 3.000.000đ/m^2 = 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng); 495 m^{2}đất trồng cây lâu năm x 45000đ/m^2

= 22.275.000 đồng (hai mươi hai triệu, hai trăm bẩy mười lăm nghìn đồng). Thửa đất số 91, tờ bản đồ số 04: 317 m^2đất ao x 42.000đ/m^2 = 13.314.000 đồng (mười ba triệu, ba trăm mười bốn nghìn đồng). Tổng giá trị 02 thửa đất là 635.589.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xác định phần di sản của mỗi cụ trị giá 317.794.500 đồng là chính xác.

[2.3] Về xác định H3ng thừa kế và cách thức chia, giao di sản thừa kế:

Tòa án cấp sơ thẩm xác định người thừa kế của cụ Tr gồm: cụ H3, ông Hoa, ông U, bà L, bà M, bà H4; người thừa kế của ông Hoa gồm: bà T, chị L1, chị H1, chị V (do ông Hoa chết sau cụ Tr)được hưởng chung một suất thừa kế của cụ Tr. Do ông U chết sau cụ Tr nên người thừa kế của ông U gồm bà B, chị L, anh Th được hưởng chung một suất thừa kế. Bà H4 đã chết nên H3ng thừa kế của bà H4 gồm chị H2, anh Thắng. Do anh Thắng đã chết trước bà H4 nên cháu Q (con gái anh Thắng) là người thừa kế thế vị. Như vậy, chị H2, cháu Q được hưởng chung một suất thừa kế. Người thừa kế của cụ H3 gồm: ông Hoa, ông U, bà L. Do ông Hoa chết sau cụ H3 nên những người thừa kế của ông Hoa gồm bà T, chị L1, chị H1, chị V được hưởng chung một suất thừa kế. Ông U chết trước cụ H3 nên chị L và anh Th là người thừa kế thế vị của ông U, được hưởng chung một suất thừa kế là phù hợp với quy định tại các Điều 613, 651, 652 Bộ luật dân sự

Thời điểm cụ Tr qua đời, tài sản của cụ Tr là các thửa đất số 90, 91 được chia đều cho 06 người thừa kế gồm cụ H3, ông Hoa, ông U, bà L, bà M, bà H4 gồm: đất ở: 100 m^2 : 6 =16,66m^2/suất; đất trồng cây lâu năm: 247,5m^2: 6 = 41,25 m^2/suất; đất ao: 158,5m^2 : 6 = 26,41 m^2/suất, tương đương với giá trị 52.965.750 đồng/suất. Do ông Hoa chết sau cụ Tr nên người thừa kế của ông Hoa gồm: bà T, chị L1, chị H1, chị V mỗi người được hưởng 52.965.750 đồng: 4 = 13.241.437 đồng. Do ông U chết sau cụ Tr nên người thừa kế của ông U gồm bà B, chị L, anh Th mỗi người được hưởng 52.965.750 đồng : 3 = 17.655.250 đồng. Bà H4 đã chết (chồng bà H4 là ông Ra chết trước bà H4) nên H3ng thừa kế của bà H4 gồm chị H2, anh Thắng. Do anh Thắng đã chết trước bà H4 nên cháu Q (con gái anh Thắng) là người thừa kế thế vị. Như vậy, chị H2, cháu Q mỗi người được hưởng 52.965.750 đồng : 2 = 26.482.875 đồng. Do chị L1, chị H1, chị V, bà L, bà M, chị H2, cháu Q nhường kỷ phần cho bà T được hưởng nên bà T được hưởng 52.965.750đồng(bà T, chị L1, chị H1, chị V) + 52.965.750 đồng (bà L) + 52.965.750 đồng (bà M) + 52.965.750 đồng (chị H2 và cháu Q), tương đương 04 suất thừa kế.

Thời điểm cụ H3 qua đời, những người thừa kế của cụ H3 gồm: ông Hoa; bà L; chị L và anh Th là người thừa kế thế vị của ông U. Tài sản của cụ H3 là các thửa đất số 90, 91 + phần thừa kế được hưởng của cụ Tr được chia đều cho 03 người gồm ông Hoa, ông U, bà L gồm: đất ở: 100m^2 + 16,66m^2 = 116,66m^2 : 3=38,88 m^2/suất; đất trồng cây lâu năm: 247,5m^2 +41,25m^2 = 288,75m^2 : 3 = 96,25 m^2/suất; đất ao: 158,5m^2 + 26,41m^2= 184,91m^2: 3 =61,63m^2/suất. Tính giá trị bằng tiền: Phần di sản

thừa kế của cụ H3 gồm 52.965.750 đồng (một suất hưởng của cụ Tr) + 317.794.500 đồng (1/2 di sản thừa kế) = 370.760.250 đồng, được chia cho 3, mỗi suất thừa kế được 123.586.750 đồng. Do ông Hoa chết sau cụ H3 nên H3ng thừa kế của ông Hoa gồm bà T, chị L1, chị H1, chị V được một suất thừa kế của ông Hoa, trị giá 123.586.750 đồng : 4 = 30.896.687 đồng/người. Do ông U chết trước cụ H3 nên chị L, anh Th là người thừa kế thế vị của ông U, được chung một suất thừa kế của ông U, trị giá 123.586.750 đồng : 2 = 61.793.375 đồng/người. Do bà L, chị L1, chị H1, chị V nhường kỷ phần cho bà T được hưởng nên bà T được hưởng tương đương 02 suất thừa kế của cụ H3.

Như vậy, kỷ phần bà T được hưởng là đất ở: 144,51 m^2; đất trồng cây lâu năm: 357,5 m^2; đất ao: 229 m^2, trị giá 459.235.500 đồng. Do bà B nhường kỷ phần cho chị L được hưởng nên kỷ phần chị L được hưởng là: đất ở: 30,5 m^2; đất trồng cây lâu năm: 75,75 m^2; đất ao: 48,4 m^2, trị giá 96.941.550 đồng. Anh Th được hưởng là đất ở: 24,99 m^2; đất trồng cây lâu năm: 61,75 m^2; đất ao: 39,6m^2, trị giá 79.411.950 đồng.

[2.4] Về tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất:

02 nH3 ở cùng công trình phụ, cổng, sân, tường bao (có bản vẽ thiết kế xây dựng) do bà L, chị L1, chị H1, chị V góp tiền xây dựng vào năm 2019 để bà T ở và thờ cúng ông bà tổ tiên, trị giá 1.350.000 đồng. Các đương sự đều xác định không phải di sản thừa kế và không yêu cầu chia nên bản án sơ thẩm không xem xét là phù hợp.

Đối với các cây trồng, rau màu do bà T trồng, không phải di sản thừa kế, bà T có quan điểm khi phân chia, cây thuộc đất được chia thì được hưởng do đó không phải thanh toán giá trị chênh lệch cho nhau, do đóbản án sơ thẩm chấp nhận là đúng pháp luật.

[2.5] Về yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ vào Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, thể hiện vị trí 02 thửa đất 90 và 91 liền kề nhau, có đường giao thông của phía Đông và phía Bắc. Phía Tây và phía Nam đều giáp ranh giới với các thửa đất liền kề không có đường đi vào thửa đất. Do đó, bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu chia thừa kế cho các đương sự bằng hiện vật là có căn cứ, phù hợp với nguyện vọng của các đương sự đề nghị nhận kỷ phần thừa kế bằng hiện vật là quyền sử dụng đất, chị L, bà B đều nhất trí về việc chia di sản bằng hiện vật cho anh Th và chị L. Đối với yêu cầu của anh Vũ Hồng Th đề nghị nhận 1/2 di sản nhưng anh Th không cung cấp được chứng cứ, tài liệu nào về việc cụ Tr, cụ H3 cho anh Th hưởng 1/2 di sản. Do đó, bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của anh Th là phù hợp.

Bà Vũ Thị Tuyết L, Vũ Thị Tuyết M, chị Vũ Thị L1, chị Vũ Thị Lệ H1, chị Vũ Thị V, chị Lê Thị Thu H2, cháu Lê Nguyễn Diễm Q tự nguyện nhường kỷ phần di sản của mình cho bà Trần Thị T được hưởng và không yêu cầu bà T chia trả chênh

lệch. Bà Vũ Thị L, chị Vũ Thị L1, chị Vũ Thị Lệ H1, chị Vũ Thị V tự nguyện bỏ tiền xây dựng các công trình trên đất gồm 02 nH3 ở cùng công trình phụ, cổng, sân, tường bao để bà T sử dụng. Bà Trần Thị T không yêu cầu trả chi phí cho việc bảo quản, quản L1 di sản và không yêu đề nghị gì đối với các cây trồng trên đất.Bà Nguyễn Thị B tự nguyện nhường kỷ phần di sản của bà B cho chị L và không yêu cầu chia trả chênh lệnh. Do đó bản án sơ thẩm ghi nhận những nội dung này là đúng pháp luật.

Căn cứ vào biên bản thẩm định tại chỗ và hiện trạng của 02 thửa đất là di sản của cụ Tr, cụ H3 để lại, Hội đồng xét xử thấy phần đất phía Đông của thửa đất số 90 đã được bà T, bà Vũ Thị L, chị Vũ Thị L1, chị Vũ Thị Lệ H1, chị Vũ Thị V bỏ kinh phí xây dựng nH3 thờ từ năm 2019, các đồng thừa kế khác gồm bà Vũ Thị Tuyết M, chị Lê Thị Thu H2, cháu Lê Nguyễn Diễm Q đều nhường kỷ phần di sản của mình cho bà Trần Thị T được hưởng, khuôn viên nH3 thờ đã được xây dựng kiên cố trên toàn bộ diện tích phía Đông của khu đất gồm nH3 thờ, cổng, H3ng rào, sân…và sử dụng ngõ riêng phía Đông. Phần còn lại là phần đất tiếp giáp nH3 thờ, vườn và ao phía Tây của thửa 90 và 91 chưa có công trình trên đất, tiếp giáp với ngõ phía Bắc của thửa đất. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chia cho bà T được sử dụng 731m^2 đất phía Đông trên đất đã có khuôn viên nH3 thờ và các tài sản, cây cối gắn liền với đất; Chia cho chị L sử dụng 154,5m^2 (trong đó có đất ở, vườn, ao) và các cây cối trên đất; Chia chia cho anh Th 126,5m^2 (trong đó có đất ở, vườn, ao), phần đất anh Th, chị L được chia đều liền kề với phần nH3 thờ bà T đang sử dụng và có đường giao thông riêng, như vậy là phù hợp với nguyện vọng của anh Th và chị L đề nghị được chia một phần đất để thờ cúng tổ tiên. Đối với phần thanh toán chênh lệch, bà T phải thanh toán chênh lệch cho chị L là 3.102.750 đồng và anh Th là 1.644.300 đồng; chị L phải thanh toán chênh lệch cho bà T 2.889.600 đồng, anh Th phải thanh toán cho bà T là 1.541.400 đồng là phù hợp. Đối trừ cho nhau, bà T phải thanh toán cho chị L số tiền là 213.150 đồng, bà T phải thanh toán cho anh Th số tiền là 102.900 đồng.

[2.6] Đối với 100m^2 đất trồng cây lâu năm liền kề với thửa đất số 90, 91: Theo bản đồ năm 2000, do bà T là hộ gia đình sản xuất nông nghiệp cho nên Ủy ban nhân dân xã Q đã giao cho bà T là 100 m^2 đất trồng cây lâu năm được quy đổi từ đất nông nghiệp, liền kề với thửa đất số 90, 91 và kết quả đo đạc ngày 21/10/2022 là 102,2 m^2 (tăng lên 2,2m^2 là do sai số khi đo đạc). Đối với diện tích đất này đãđược quy đổi từ diện tích đất nông nghiệp của bà T, Ủy ban nhân dân xã Q xác định là tài sản riêng của bà T, không phải di sản thừa kế và các đương sự cũng xác định không phải di sản thừa kế và không có yêu cầu đề nghị gì nên bản án sơ thẩm tiếp tục giao cho bà T quản L1 và sử dụng là đúng quy định của pháp luật.

Tại giai đoạn phúc thẩm, chị L không giao nộp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới chứng M cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ và hợp pháp. Từ những phân tích đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có cơ sở để chấp

nhận yêu cầu kháng cáo của chị L, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Th Bình tại phiên tòa xét xử phúc thẩm là phù hợp và đúng pháp luật.

[3]Về án phí và chi phí tố tụng:

[3.1] Về án phí: Yêu cầu kháng cáo của chị L không được chấp nhận nên chị L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[3.2] Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Chị L và chị V đã nộp đủ, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148Bộ luật tố tụng Dân sự ; Điều 24; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu , miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của chị Vũ Thị Thúy L,giữ nguyên bản án sơ thẩm số:01/2023/DS-ST ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Q Phụ, tỉnh Th Bình. Cụ thể:

Căn cứ khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 158; Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9; 609, 612, Điều 613, 618, 623, 649, 650, 651, 652, 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 33 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 12, Điều 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L1 và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của nguyên đơn, cụ thể:

- Xác định di sản thừa kế của cụ Vũ Đình Tr và cụ Nguyễn Thị H3 để lại là: thửa đất 90, tờ bản đồ số 4, diện tích hiện tại là 695m^2, trong đó 200m^2 đất ở và 495m^2 đất trồng cây lâu năm khác và thửa đất ao số 91, tờ bản đồ số 04, diện tích 317m^2, đều ở địa chỉ: thôn P, xã Q, huyện Q Phụ, tỉnh Th Bình. Tổng giá trị là 635.589.000 đồng.

- Xác định người thừa kế của cụ Vũ Đình Tr gồm: cụ H3, ông Hoa (người thừa kế của ông Hoa gồm bà T, chị L1, chị H1, chị V), ông U (người thừa kế của ông U gồm bà B, chị L, anh Th), bà L, bà M, bà H4 (người thừa kế của bà H4 gồm chị H2, cháu Q).

- Xác định người thừa kế của cụ H3 gồm: ông Hoa (người thừa kế của ông Hoa gồm bà T, chị L1, chị H1, chị V); ông U (người thừa kế của ông U gồm chị L, anh Th); bà L.

- Chấp nhận yêu cầu của chị Vũ Thị Thúy L về việc chia thừa kế theo pháp luật

và bằng hiện vật.

- Ghi nhận sự tự nguyện nhường kỷ phần di sản của các bà Vũ Thị Tuyết L, Vũ Thị Tuyết M, chị Vũ Thị L1, chị Vũ Thị Lệ H1, chị Vũ Thị V, chị Lê Thị Thu H2, cháu Lê Nguyễn Diễm Q cho bà Trần Thị T và bà T không phải thanh toán giá trị lại bằng tiền. Bà Nguyễn Thị B nhường cho chị Vũ Thị Thúy L và chị L không phải thanh toán giá trị lại bằng tiền.

- Không chấp nhận yêu cầu của anh Th về việc đề nghị nhận 1/2 di sản.

- Ghi nhận việc bà Trần Thị T không yêu cầu chia trả công sức quản L1 di sản, không yêu đề nghị gì đối với các cây trồng trên đất.

- Ghi nhận việc bà Vũ Thị Tuyết L, chị Vũ Thị L1, chị Vũ Thị Lệ H1, chị Vũ Thị V tự nguyện bỏ tiền xây dựng các công trình trên đất gồm 02 nH3 ở cùng công trình phụ, cổng, sân, tường bao (có bản vẽ thiết kế xây dựng) vào năm 2019, trị giá 1.350.000.000 đồng để bà T sử dụng.

1.2. Xử:

+ Chia và giao cho chị Vũ Thị Thúy L được quyền quản L1, sử dụng: 154,5m^2, trong đó: đất ở: 30,5m^2; đất trồng cây lâu năm: 6,8m^2 tại thửa đất số 90 và đất ao: 117,2m^2 tại thửa đất số 91, đều thuộc tờ bản đồ số 4, địa chỉ tại: thôn P, xã Q, huyện Q Phụ, tỉnh Th Bình, trị giá 96.728.400 đồng. Tài sản khác gắn liền với quyền sử dụng đất có 02 cây vải gốc 40cm, 01 cây bưởi gốc 1,5cm, 01 khóm chuối phía bên phải nH3 bếp. Phía Đông giáp đất: 7.70; Phía Tây: 7.79; Phía Nam: 20.14; Phía Bắc: 15.55 +3.76 (Thể hiện chi tiết trong sơ đồ kèm theo bản án sơ thẩm).

+ Chia và giao cho bà Trần Thị T được quyền quản L1, sử dụng: 731,0m^2. Trong đó đất ở: 144,51 m^2; đất trồng cây lâu năm: 462,99 m^2 tại thửa đất số 90 và đất ao: 123,5m^2 tại thửa đất số 91, đều thuộc tờ bản đồ số 4, địa chỉ tại: thôn P, xã Q, huyện Q Phụ, tỉnh Th Bình, trị giá 459.551.550 đồng. Phía Đông: 6.95 +18.28; Phía Tây: 6.83; Phía Nam: 18.37 +1.59 + 0.74 + 14.51; Phía Bắc: 8.77 +13.64 +4.63. Tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất là nH3 thờ mái ngói 92.6m^2; Lán tôn 20.2m^2; NH3 bếp, nH3 vệ sinh: 45.6m^2 và sân, cổng, giậu (Có bản vẽ thiết kế kèm theo), (Thể hiện chi tiết trong sơ đồ kèm theo bản án sơ thẩm).

Các tài sản khác gắn liền với quyền sử dụng đất: Cây phía trước nH3 thờ: 01 cây nhãn gốc 50cm; 01 cây vú sữa gốc 5 cm; 01 cây chay gốc 2cm; Phía trước cổng: 02 cây nhãn gốc 50cm; 01 cây nhãn gốc 40cm; 02 cây bưởi gốc 3cm; 02 cây chanh gốc 2cm; 10 cây cau gốc 10 cm; 05 cây cau gốc 05cm; 01 cây đào gốc 7cm; 15 khóm gừng; 03m^2 diếp cá; 03m^2 trầu không;

Cây phía bên phải nH3 bếp: 03 cây cau gốc 10cm; 01 cây khế gốc 3cm; 01 khóm nghệ; riềng: 4m; chuối: 04 khóm; 03 cây na gốc 3cm; 01 cây nhãn gốc 30cm; 03 cây hòe gốc 2 cm; 01 cây bơ gốc 4 cm; 02 cây vải gốc 40 cm; lá lốt 5m^2;

Cây phía sau nH3 và bếp: chuối: 3 khóm; nghệ: 5m^2; 01 cây hồng xiêm gốc 2cm; 01 cây hòe gốc 1,5 cm; 02 cây mít gốc 5cm; 01 cây vú sữa gốc 3,5 cm; 01 cây

vú sữa gốc 2cm; 01 cây vú sữa gốc lcm; riềng: 0,5m^2;

Bà T được tiếp tục quản L1, sử dụng 102,2m^2 đất trồng cây lâu năm là tài sản riêng của bà T, liền kề với thửa đất số 90, 91 tờ bản đồ số 04, địa chỉ tại thôn P, xã Q, huyện Q Phụ, tỉnh Th Bình.

+ Chia và giao cho anh Th: 126,5m^2. Trong đó: đất ở: 24,99m^2; đất trồng cây lâu năm: 25,21m^2 tại thửa đất số 90 và đất ao: 76,3m^2 tại thửa đất số 91, đều tờ bản đồ số 4, địa chỉ tại thôn P, xã Q, huyện Q Phụ, tỉnh Th Bình, trị giá 79.309.050 đồng. Phía Đông:11.93; Phía Tây: 4.83+7.26; Phía Nam: 23.62; Phía Bắc: 21.10. Tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất là 03 cây ổi gốc 1,5 cm; 01 cây mít gốc 1,5 cm (Thể hiện chi tiết trong sơ đồ kèm theo bản án sơ thẩm).

1.3. Bà Trần Thị T phải thanh toán cho chị Vũ Thị Thúy L số tiền là 213.150 đồng, bà T phải thanh toán cho anh Vũ Hồng Th số tiền là 102.900 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi H3nh án của người được thi H3nh án cho đến khi thi H3nh xong tất cả các khoản tiền, H3ng tháng bên phải thi H3nh án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi H3nh án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

1.4. Về án phí: Bà T, bà L, bà B, bà M được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Chị L, anh Th, chị L1, chị H1, chị V, chị H2, chị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với kỷ phần được chia. Chấp nhận việc chị L chịu cả án phí của anh Th; việc chị V tự nguyện chịu án phí của chị L1, chị H2, cháu Q.

Chị L phải chịu 7.944.862 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Đối trừ số tiền chị L đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004724 ngày 14/6/2022 số tiền là 7.000.000 đồng. Chị L còn phải nộp 944.862 đồng.

Chị V phải nộp 9.269.005 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

1.5. Chi phí tố tụng khác: các đương sự đã nộp xong nên không xét.

Trường hợp bản án này được thi H3nh theo quy định tại điều 2 Luật Thi H3nh án dân sự thì người được thi H3nh án dân sự, người phải thi H3nh án dân sự có quyền thoả thuận thi H3nh án, quyền yêu cầu thi H3nh án, tự nguyện thi H3nh án hoặc bị cưỡng chế thi H3nh án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi H3nh án dân sự thời hiệu thi H3nh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi H3nh án dân sự.

2. Án phídân sự phúc thẩm: Chị Vũ Thị Thúy L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Đối trừ với số tiền 300.000 đồng chị L đã nộp tại Biên lai số 004988 ngày28/2/2023 tại Chi cục Thi H3nh án dân sự huyện Q Phụ, tỉnh Th Bình, chị L đã chấp H3nh xong nghĩa vụ án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án ngày 21/7/2023.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Tòa án nhân dân huyện Q Phụ;
- Viện kiểm sát nhân dânhuyện Q Phụ;
- Chi cục Thi H3nh án dân sựhuyện Q Phụ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

Vũ Duy LU

TH3NH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Các Thẩm phán

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim H1 **Lương Hải Yến**

Vũ Duy LU